

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-PT

Ngày: 02/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng và ông Lê N Minh.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia Phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Lê A do có kháng cáo của bị cáo Lê A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Phú Yên.

Bị cáo có kháng cáo: Lê A, (tên gọi khác: Nô em), sinh năm 1992 tại Phú Yên; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B, sinh năm 1966 và bà C(đã chết); vợ: D, sinh năm 1998; con: Có 2 con, lớn sinh năm 2015 và nhỏ sinh năm 2019 ; tiền án, tiền sự: Không; Nhân T: Ngày 17/03/2011, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội Chống người thi hành công vụ, tháng 8/2011 chấp hành xong bản án trên. Bị cáo tại ngoại. Có mặt;

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo E không có kháng cáo, không bị kháng nghị; bị cáo D kháng cáo quá hạn không được chấp nhận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước E gọi điện thoại nhờ Lê A tìm giúp người tiêu thụ xe mô tô do E trộm cắp. Mặc dù biết E đi lấy trộm xe mô tô về bán nhưng A vẫn đồng ý giúp E. Khoảng đầu tháng 09/2018, Lê T (anh ruột A) gọi điện thoại nhờ A mua giúp một chiếc xe Sirius nhưng E nói không chỉ có xe Exciter. Sau khi thỏa thuận giá cả và thời điểm giao xe, khoảng 23 giờ ngày 07/09/2018 E gọi điện thoại rủ D đi trộm cắp tài sản, D đồng ý nên điều khiển xe mô tô 78E1 – 082.74 chở E mang theo 01 cái kiềm cộng lực, 01 văm phá ổ khóa xe và 01 đèn pin đi đến nhà ông T, sinh năm 1967, trú thôn B, xã N, huyện C lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 78F1-103.03 của anh L, sinh năm 1992, trú thôn L, xã T, huyện C. Sau khi trộm được xe, E gọi điện thoại cho A hẹn địa điểm giao xe, A gọi cho vợ T là Thu T gặp E nhờ H, sinh năm 1997, trú thôn B, xã A đến gặp Thu T lấy 6.000.000 đồng tiền bán xe, E chia cho D 3.000.000 đồng, còn lại E tiêu sài cá nhân.

Ngày 30/11/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận xe mô tô 78F1-103.03 có giá trị còn lại 25.200.000 đồng.

Qua mở rộng điều tra E còn khai nhận: Từ 07/2018 đến tháng 08/2018 E còn thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện B, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 28/07/2018 E mang theo 01 đèn pin, 01 văm phá khóa, 01 kiềm cộng lực đi bộ đến nhà chị P, sinh năm 1983, ở thôn T, xã Q thấy xe mô tô Sirius biển số 78E1-218.06 dựng ở mái hiên nhà chị P nên E dùng kiềm sắt lưới B40 và dùng văm phá khóa xe rồi điều khiển xe 78E1-218.06 đi đến thôn P, xã A, huyện B bán cho một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) được H, sinh năm 1997, trú thôn B, xã A giới thiệu trước đó với số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận xe mô tô 78E1-218.06 có giá trị còn lại 9.800.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 20/08/2018 E mang theo đèn pin, văm phá khóa và kiềm cộng lực đi bộ đến nhà anh N, sinh năm 1976, trú khu phố T, thị trấn H dùng tay mở chốt cửa hiên vào nhà dắt trộm xe mô tô Future 78E1-049.38 của anh N. Rồi đem xe mô tô này đến ngã ba 06 Sướng bán cho người đàn ông không rõ họ tên mà E đã bán xe ở vụ thứ 1 với số tiền 2.800.000 đồng.

Ngày 04/01/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận xe mô tô 78E1-049.38 có giá trị còn lại 21.978.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên Lê A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng

khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Phạt bị cáo **Lê A – 09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần hình phạt đối với bị cáo Trần Minh E, Lê Trọng A, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2019, bị cáo **Lê A** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê A tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần Minh E, Lê Trọng D; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2018 E đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện B, trị giá 56.978.000 đồng; D thực hiện 01 vụ trộm cắp xe mô tô trị giá 25.200.000 đồng; Lê A đã hứa hẹn trước, giúp E bán 01 xe mô tô mà E trộm cắp được trị giá 25.200.000 đồng nên cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Lê A về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự an và an toàn xã hội, bị cáo có nhân thân xấu nên cần xử phạt nghiêm khắc. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng đó là thật thà khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo 09(chín) tháng tù và không cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên - giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] Bị cáo Lê A kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê A - Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên bố: Bị cáo Lê A phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo **Lê A** – 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Lê A** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện B(2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Công an huyện B(2)
- Sở tư pháp (1);
- P.KTNV (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Nguyễn Việt Hùng

